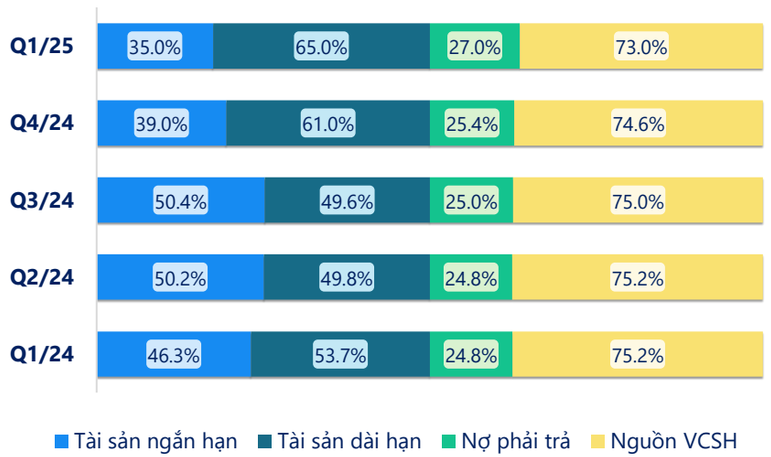
FireAnt

CTCP Đầu tư Nhà đất Việt (UPCOM: PVL)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	4,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,900
SL cổ phiếu LH	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	59,770
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	205
P/E	-37.5
EPS	-109

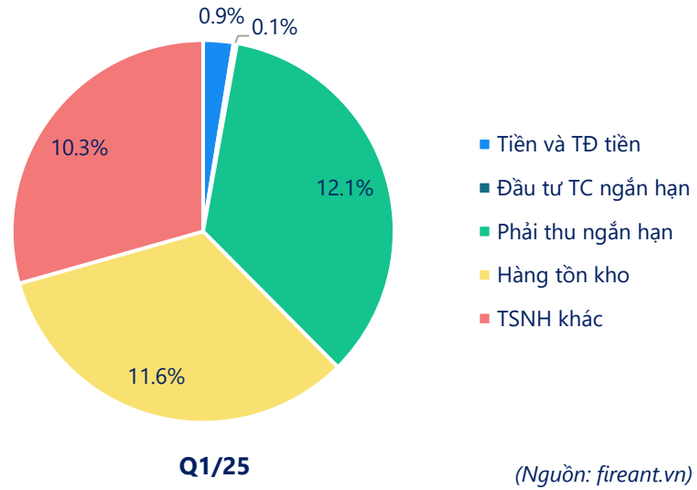
	YTD	1T	3T	6T
PVL	2.5%	-6.8%	5.1%	7.9%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



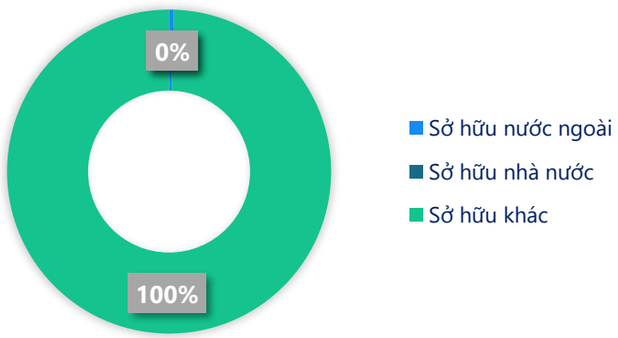
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



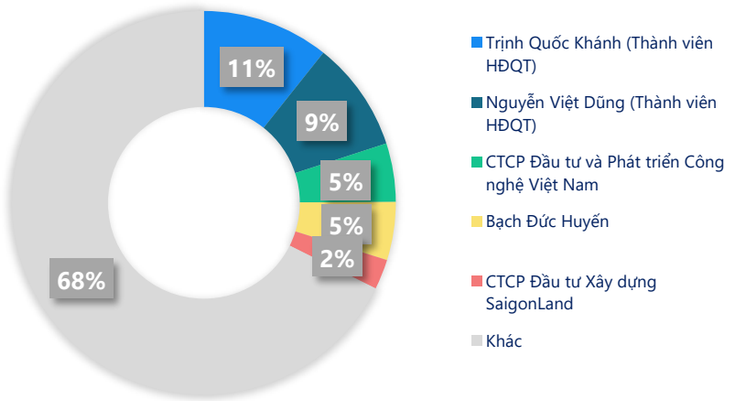
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



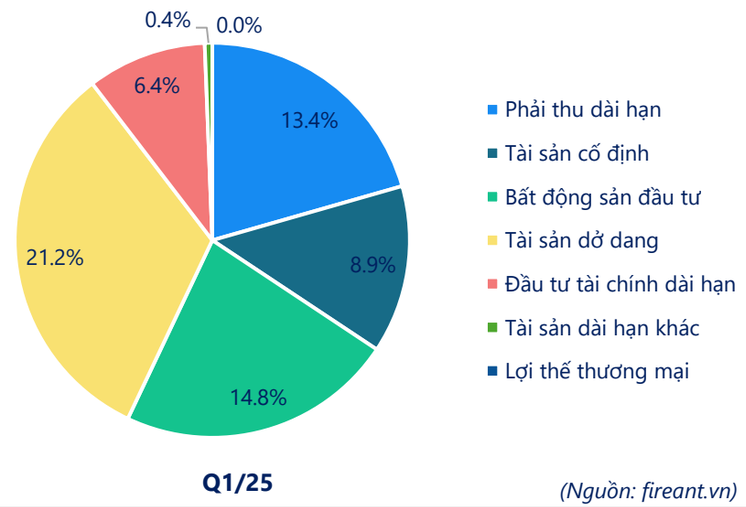
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

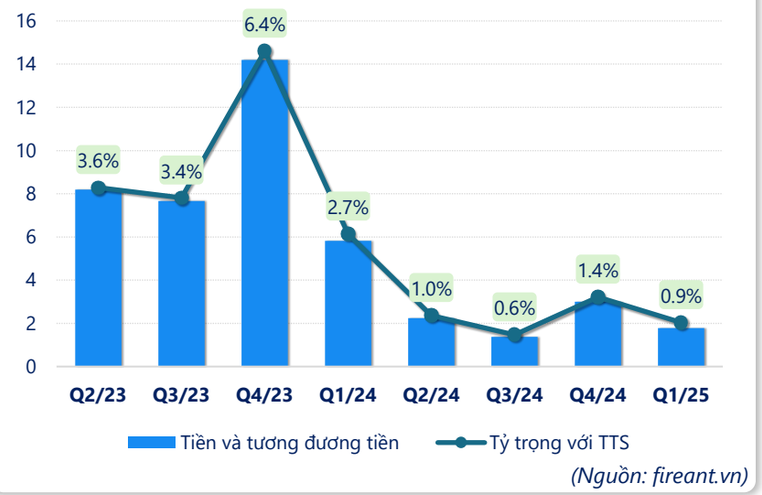


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

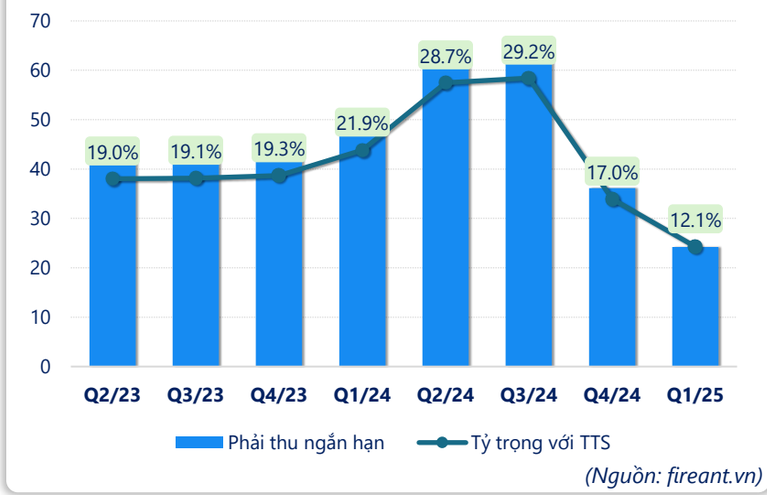
CTCP Đầu tư Nhà đất Việt (UPCOM: PVL)

Tiền và tương đương tiền



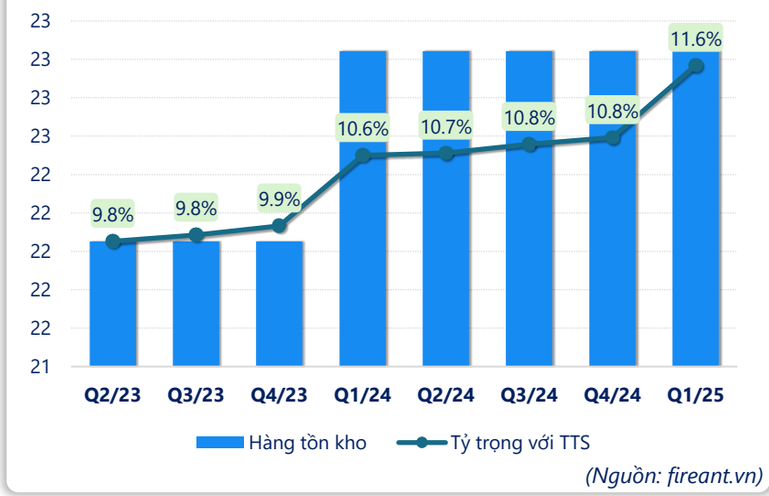
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



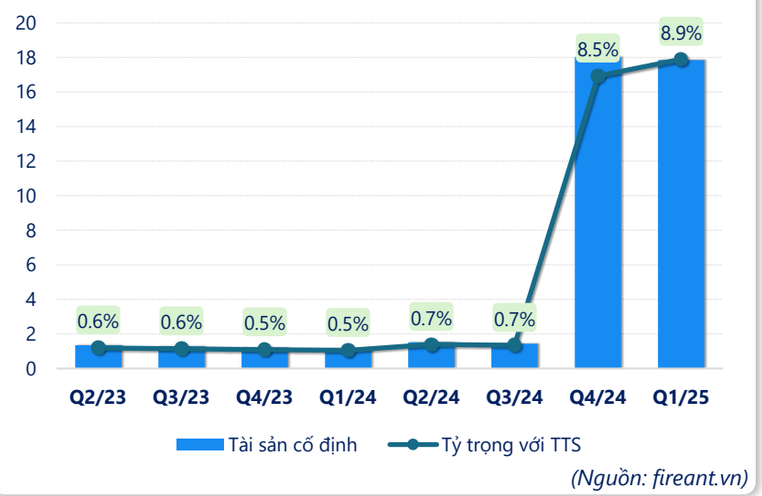
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



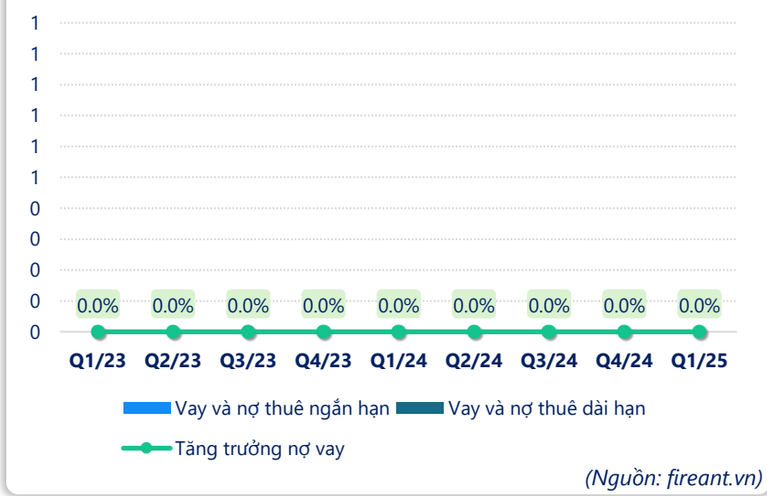
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



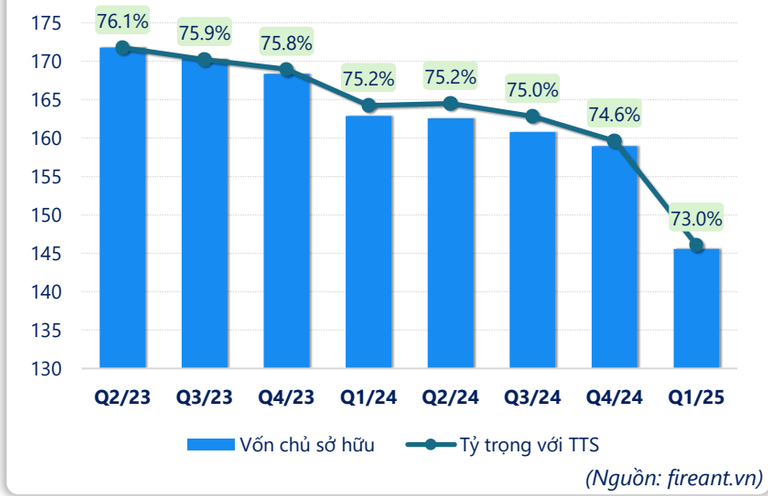
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

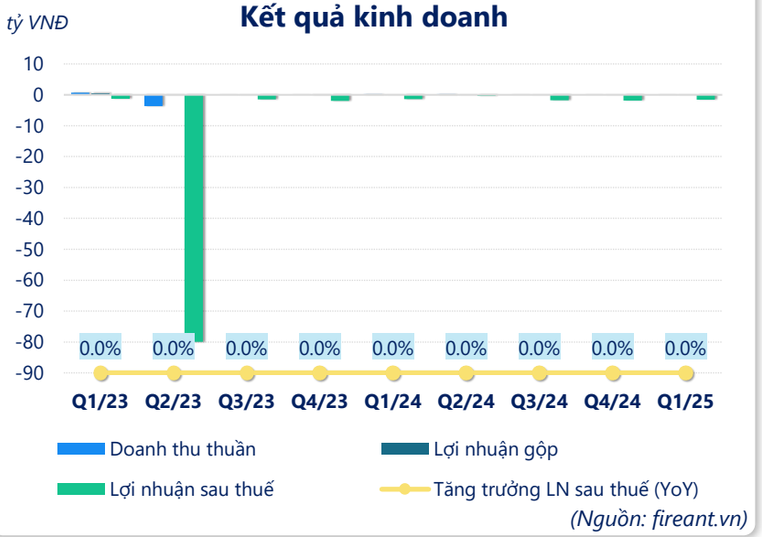
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

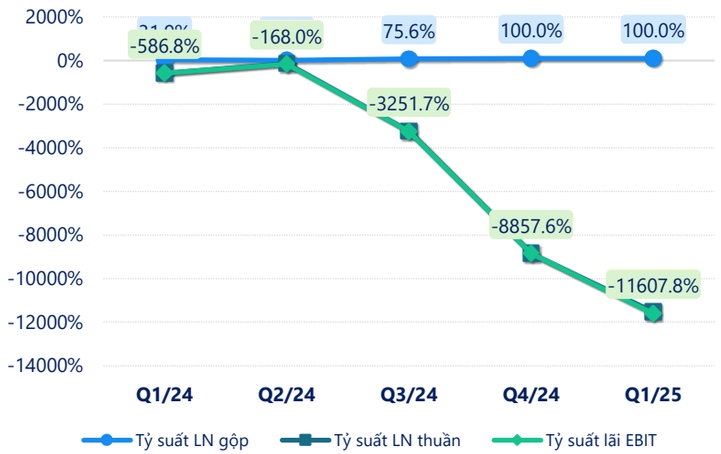
CTCP Đầu tư Nhà đất Việt (UPCOM: PVL)

Kết quả kinh doanh



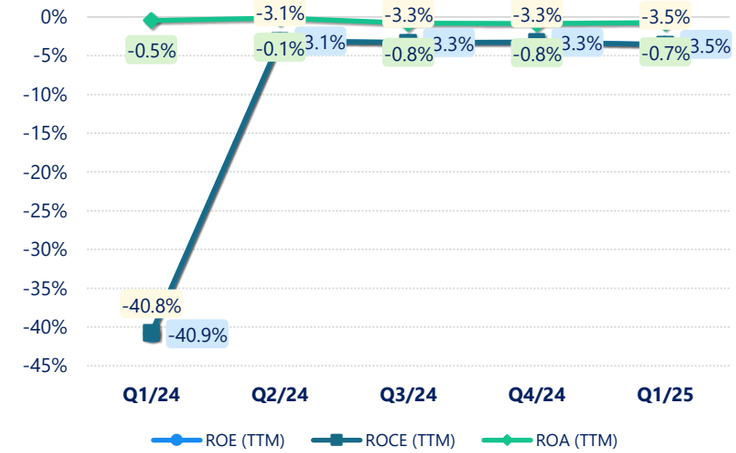
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



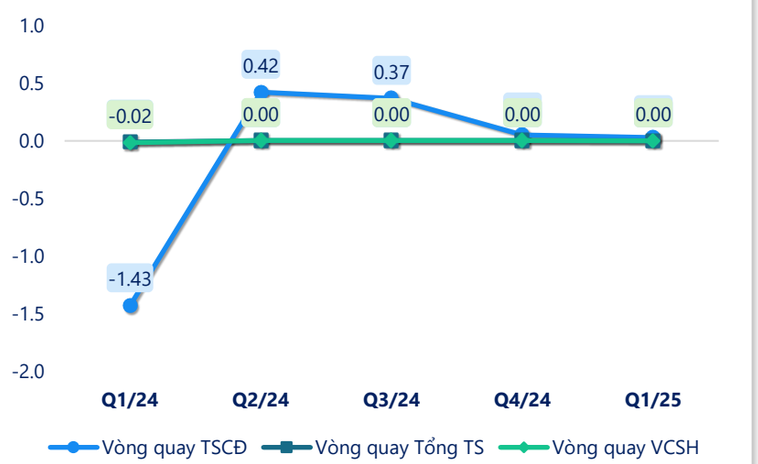
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



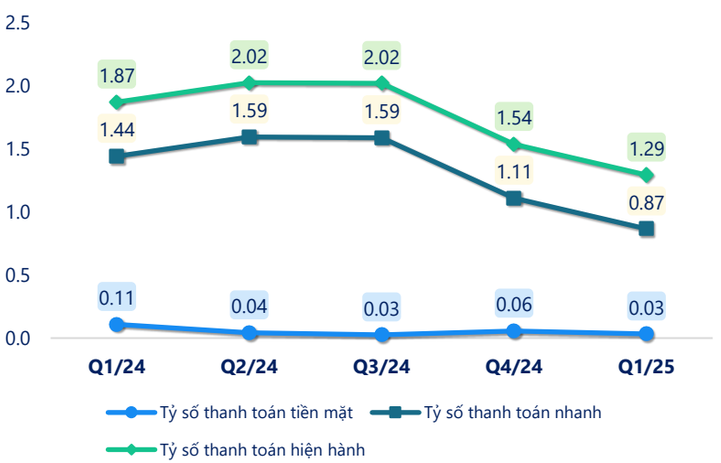
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



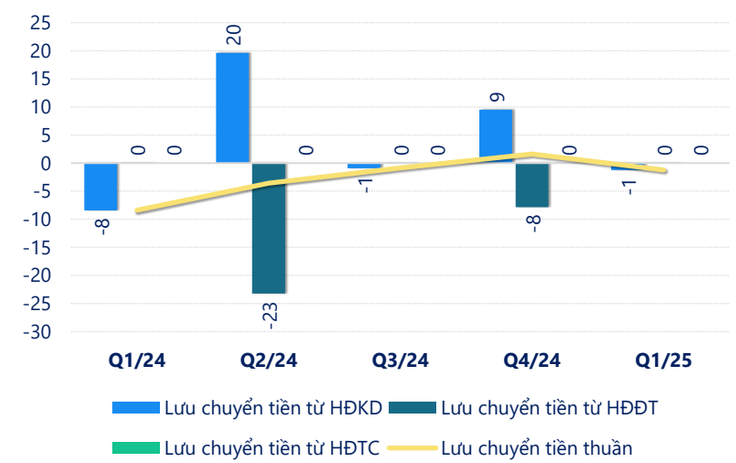
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư Nhà đất Việt (UPCOM: PVL)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**199**	**201**	**-0.8%**
Tài sản ngắn hạn	69.7	71.2	-2.0%
Tiền và tương đương tiền	1.78	3.00	-40.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.21	0.36	-42.7%
Phải thu ngắn hạn	24.2	24.3	-0.3%
Hàng tồn kho	23.0	23.0	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	20.5	20.5	0.0%
Tài sản dài hạn	**130**	**130**	**-0.2%**
Phải thu dài hạn	26.7	26.7	0.0%
Tài sản cố định	17.9	18.0	-1.0%
Bất động sản đầu tư	29.5	29.5	0.0%
Tài sản dở dang	42.2	42.2	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	12.7	12.7	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.80**	**0.88**	**-9.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	53.9	54.1	-0.2%
Nợ ngắn hạn	**53.9**	**54.0**	**-0.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	18.1	18.0	0.7%
Nợ dài hạn	0.00	0.00	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**146**	**147**	**-1.0%**
Vốn chủ sở hữu	**146**	**147**	**-1.0%**
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	0.24	0.19	0.05	0.02	0.01
Giá vốn hàng bán	0.17	0.16	0.01	0	0
Lợi nhuận gộp	0.08	0.02	0.04	0.02	0.01
Doanh thu HĐTC	0.20	0.08	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0.01	-0.01	0	0.31	0.02
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.69	0.37	1.80	1.55	1.52
LN thuần từ HĐKD	-1.42	-0.25	-1.76	-1.84	-1.52
Lợi nhuận khác	0	-0.06	-0.01	0.00	-0.01
LN trước thuế	-1.42	-0.31	-1.77	-1.85	-1.53
Lợi nhuận sau thuế	-1.42	-0.31	-1.77	-1.85	-1.53
LNST của CĐ cty mẹ	-1.42	-0.31	-1.77	-1.85	-1.53

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-8.40	19.6	-0.90	9.49	-1.22
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.02	-23.2	0.04	-7.87	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	14.2	5.82	2.24	1.38	3.00
Lưu chuyển tiền thuần	**-8.38**	**-3.58**	**-0.86**	**1.62**	**-1.22**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.82	2.24	1.38	3.00	1.78

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic